

Số: 161/QĐ-UBND

Tam Điệp, ngày 01 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành và áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng
theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế - Thường trực Ban ISO thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2022 vào các hoạt động quản lý và giải quyết thủ tục hành chính tại UBND thành phố bắt đầu kể từ ngày 01/3/2022 (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Ban Chỉ đạo ISO thành phố, Trưởng các phòng, đơn vị thuộc UBND thành phố có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn công chức, viên chức và người lao động tổ chức triển khai áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các phòng, cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ; | (để b/c)
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Mạnh Hùng

PHỤ LỤC DANH MỤC TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 161/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố Tam Điệp)

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
A. Thủ tục, hướng dẫn theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng				
1.	Chính sách chất lượng	CSCL	01	
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01	
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	01	
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	QT-01	01	
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02	01	
6.	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	QT-03	01	
7.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT-04	01	
B. Các quy trình giải quyết TTHC				
I. PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ				
1.1. Lĩnh vực Giao thông vận tải				
8.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT-01/GTVT	01	01/3/2022
9.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT-02/GTVT	01	01/3/2022
10.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT-03/GTVT	01	01/3/2022
11.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT-04/GTVT	01	01/3/2022
12.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-05/GTVT	01	01/3/2022
13.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-06/GTVT	01	01/3/2022
14.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT-07/GTVT	01	01/3/2022
15.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-08/GTVT	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
16.	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-09/GTVT	01	01/3/2022
1.2 Lĩnh vực Quy hoạch				
17.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh	QT-01/QH	01	01/3/2022
18.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh	QT-02/QH	01	01/3/2022
19.	Cung cấp thông tin quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-03/QH	01	01/3/2022
1.3 Lĩnh vực Xây dựng				
20.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-01/XD	01	01/3/2022
21.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-02/XD	01	01/3/2022
22.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-03/XD	01	01/3/2022
23.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-04/XD	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
24.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-05/XD	01	01/3/2022
25.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-06/XD	01	01/3/2022
II. PHÒNG VĂN HÓA THÔNG TIN				
2.1. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở				
26.	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	QT-01/VHCS	01	01/3/2022
27.	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	QT-02/VHCS	01	01/3/2022
28.	Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	QT-03/VHCS	01	01/3/2022
29.	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-04/VHCS	01	01/3/2022
30.	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-05/VHCS	01	01/3/2022
31.	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-06/VHCS	01	01/3/2022
32.	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-07/VHCS	01	01/3/2022
33.	Đăng ký tổ chức lễ hội	QT-08/VHCS	01	01/3/2022
34.	Thông báo tổ chức lễ hội	QT-09/VHCS	01	01/3/2022
2.2. Lĩnh vực Thư viện				
35.	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-01/TV	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
36.	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-02/TV	01	01/3/2022
37.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-03/TV	01	01/3/2022
2.3. Lĩnh vực Gia đình				
38.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-01/GĐ	01	01/3/2022
39.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-02/GĐ	01	01/3/2022
40.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-03/GĐ	01	01/3/2022
41.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-04/GĐ	01	01/3/2022
42.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-05/GĐ	01	01/3/2022
43.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-06/GĐ	01	01/3/2022
2.4. Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử				
44.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-01/TTĐT	01	01/3/2022
45.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-02/TTĐT	01	01/3/2022
46.	Gia hạn giấy chứng nhận điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-03/TTĐT	01	01/3/2022
47.	Cấp lại giấy chứng nhận điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-04/TTĐT	01	01/3/2022
2.5. Lĩnh vực In, xuất bản và phát hành				
48.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT-01/XB	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
49.	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ	QT-02/XB	01	01/3/2022
III. PHÒNG KINH TẾ				
3.1 Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước				
50.	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-01/LTHH	01	01/3/2022
51.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-02/LTHH	01	01/3/2022
52.	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-03/LTHH	01	01/3/2022
53.	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	QT-04/LTHH	01	01/3/2022
54.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	QT-05/LTHH	01	01/3/2022
55.	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	QT-06/LTHH	01	01/3/2022
56.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-07/LTHH	01	01/3/2022
57.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-08/LTHH	01	01/3/2022
58.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-09/LTHH	01	01/3/2022
3.2 Lĩnh vực Công nghiệp địa phương				
59.	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố	QT-01/CNDP	01	01/3/2022
3.3 Lĩnh vực Kinh doanh khí				
60.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-01/KDK	01	01/3/2022
61.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-02/KDK	01	01/3/2022
62.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-03/KDK	01	01/3/2022
3.4. Lĩnh vực Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện				
63.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp thành phố	QT-01/ATĐ	01	01/3/2022
64.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp thành phố	QT-02/ATĐ	01	01/3/2022
3.5 Lĩnh vực Thủy sản				

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
65.	Thủ tục Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT-01/TS	01	01/3/2022
66.	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT-02/TS	01	01/3/2022
67.	Thủ tục Công bố mở cảng cá loại 3	QT-03/TS	01	01/3/2022
3.6 Lĩnh vực Thủy lợi				
68.	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND thành phố phê duyệt)	QT-01/TL	01	01/3/2022
69.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND thành phố	QT-02/TL	01	01/3/2022
70.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND thành phố	QT-03/TL	01	01/3/2022
71.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND thành phố (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT-04/TL	01	01/3/2022
72.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND thành phố (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT-05/TL	01	01/3/2022
3.7 Lĩnh vực Lâm nghiệp				
73.	Thủ tục Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp thành phố quyết định đầu tư)	QT-01/LN	01	01/3/2022
3.8 Lĩnh vực Khoa học Công nghệ và Môi trường				
74.	Thủ tục Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT-01/KHMT	01	01/3/2022
3.9 Lĩnh vực Kinh tế hợp tác				
75.	Thủ tục hỗ trợ dự án liên kết	QT-01/KTHT	01	01/3/2022
76.	Thủ tục Bố trí ổn định dân cư trong thành phố	QT-02/KTHT	01	01/3/2022
77.	Thủ tục Bố trí ổn định dân cư ngoài thành phố, trong tỉnh	QT-03/KTHT	01	01/3/2022
3.10 Lĩnh vực An toàn thực phẩm				
78.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	QT-01/ATTP	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
79.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	QT-02/ATTP	01	01/3/2022
IV. PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH				
4.1. Lĩnh vực Quản lý công sản				
80.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không thành lập dự án đầu tư	QT-01/QLCS	01	01/3/2022
81.	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-02/QLCS	01	01/3/2022
82.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	QT-03/QLCS	01	01/3/2022
83.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	QT-04/QLCS	01	01/3/2022
84.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a,b,c,d,đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	QT-05/QLCS	01	01/3/2022
85.	Quyết định điều chuyển tài sản công	QT-06/QLCS	01	01/3/2022
86.	Quyết định bán tài sản công	QT-07/QLCS	01	01/3/2022
87.	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐCP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	QT-08/QLCS	01	01/3/2022
88.	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	QT-09/QLCS	01	01/3/2022
89.	Quyết định thanh lý tài sản công	QT-10/QLCS	01	01/3/2022
90.	Quyết định tiêu hủy tài sản công	QT-11/QLCS	01	01/3/2022
91.	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	QT-12/QLCS	01	01/3/2022
92.	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	QT-13/QLCS	01	01/3/2022
93.	Mua quyền hóa đơn	QT-14/QLCS	01	01/3/2022
94.	Mua hóa đơn lẻ	QT-15/QLCS	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
95.	Thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	QT-16/QLCS	01	01/3/2022
96.	Thủ tục chi thường đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên	QT-17/QLCS	01	01/3/2022
97.	Thủ tục thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu	QT-18/QLCS	01	01/3/2022
4.2. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh				
98.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-01/HKD	01	01/3/2022
99.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT-02/HKD	01	01/3/2022
100.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT-03/HKD	01	01/3/2022
101.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-04/HKD	01	01/3/2022
102.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT-05/HKD	01	01/3/2022
4.3. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã				
103.	Đăng ký thành lập hợp tác xã	QT-01/HTX	01	01/3/2022
104.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-02/HTX	01	01/3/2022
105.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-03/HTX	01	01/3/2022
106.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-04/HTX	01	01/3/2022
107.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT-05/HTX	01	01/3/2022
108.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT-06/HTX	01	01/3/2022
109.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT-07/HTX	01	01/3/2022
110.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT-08/HTX	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
111.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT-09/HTX	01	01/3/2022
112.	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT-10/HTX	01	01/3/2022
113.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-11/HTX	01	01/3/2022
114.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT-12/HTX	01	01/3/2022
115.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	QT-13/HTX	01	01/3/2022
116.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-14/HTX	01	01/3/2022
117.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT-15/HTX	01	01/3/2022
118.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT-16/HTX	01	01/3/2022
V. PHÒNG TƯ PHÁP				
5.1. Lĩnh vực Hộ tịch				
119.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-01/HT	01	01/3/2022
120.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-02/HT	01	01/3/2022
121.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-03/HT	01	01/3/2022
122.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-04/HT	01	01/3/2022
123.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-05/HT	01	01/3/2022
124.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-06/HT	01	01/3/2022
125.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-07/HT	01	01/3/2022
126.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-08/HT	01	01/3/2022
127.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-09/HT	01	01/3/2022
128.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-10/HT	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
129.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-11/HT	01	01/3/2022
130.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-12/HT	01	01/3/2022
131.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-13/HT	01	01/3/2022
132.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-14/HT	01	01/3/2022
133.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-15/HT	01	01/3/2022
134.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-16/HT	01	01/3/2022
5.2. Lĩnh vực Chứng thực				
135.	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-01/CT	01	01/3/2022
136.	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QT-02/CT	01	01/3/2022
137.	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT-03/CT	01	01/3/2022
138.	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT-04/CT	01	01/3/2022
139.	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT-05/CT	01	01/3/2022
140.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-06/CT	01	01/3/2022
141.	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-07/CT	01	01/3/2022
142.	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT-08/CT	01	01/3/2022
143.	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-09/CT	01	01/3/2022
144.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-10/CT	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
145.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-11/CT	01	01/3/2022
146.	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	QT-12/CT	01	01/3/2022
5.3. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước				
147.	Thủ tục phục hồi danh dự	QT-01/BTNN	01	01/3/2022
148.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-02/BTNN	01	01/3/2022
5.4. Lĩnh vực hòa giải cơ sở				
149.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT-01/HGCS	01	01/3/2022
5.5. Lĩnh vực nuôi con nuôi				
150.	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-01/NCN	01	01/3/2022
VI. PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO				
151.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT-01/GDĐT	01	01/3/2022
152.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-02/GDĐT	01	01/3/2022
153.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT-03/GDĐT	01	01/3/2022
154.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT-04/GDĐT	01	01/3/2022
155.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT-05/GDĐT	01	01/3/2022
156.	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-06/GDĐT	01	01/3/2022
157.	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	QT-07/GDĐT	01	01/3/2022
158.	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-08/GDĐT	01	01/3/2022
159.	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-09/GDĐT	01	01/3/2022
160.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT-10/GDĐT	01	01/3/2022
161.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT-11/GDĐT	01	01/3/2022
162.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT-12/GDĐT	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
163.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-13/GDDĐT	01	01/3/2022
164.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT-14/GDDĐT	01	01/3/2022
165.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT-15/GDDĐT	01	01/3/2022
166.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT-16/GDDĐT	01	01/3/2022
167.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-17/GDDĐT	01	01/3/2022
168.	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo	QT-18/GDDĐT	01	01/3/2022
169.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-19/GDDĐT	01	01/3/2022
170.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-20/GDDĐT	01	01/3/2022
171.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT-21/GDDĐT	01	01/3/2022
172.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-22/GDDĐT	01	01/3/2022
173.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT-23/GDDĐT	01	01/3/2022
174.	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT-24/GDDĐT	01	01/3/2022
175.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT-25/GDDĐT	01	01/3/2022
176.	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	QT-26/GDDĐT	01	01/3/2022
177.	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT-27/GDDĐT	01	01/3/2022
178.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-28/GDDĐT	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
179.	Chuyên đổi trường tiểu học tư thục, trường THCS tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-29/GDDĐT	01	01/3/2022
180.	Chuyên trường đổi với học sinh trung học cơ sở	QT-30/GDDĐT	01	01/3/2022
181.	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT-31/GDDĐT	01	01/3/2022
182.	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT-32/GDDĐT	01	01/3/2022
183.	Chuyển trường đổi với học sinh tiểu học	QT-33/GDDĐT	01	01/3/2022
184.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	QT-34/GDDĐT	01	01/3/2022
185.	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT-35/GDDĐT	01	01/3/2022
VII. PHÒNG Y TẾ				
7.1. Lĩnh vực An toàn thực phẩm				
186.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của UBND thành phố	QT-01/YT	01	01/3/2022
VIII. PHÒNG NỘI VỤ				
8.1. Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo				
187.	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	QT-01/TG	01	01/3/2022
188.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một thành phố	QT-02/ TG	01	01/3/2022
189.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một thành phố	QT-03/TG	01	01/3/2022
190.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một thành phố	QT-04/TG	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
191.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một thành phố	QT-05/ TG	01	01/3/2022
192.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một thành phố	QT-06/ TG	01	01/3/2022
193.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một thành phố	QT-07/ TG	01	01/3/2022
194.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một thành phố, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT-08/ TG	01	01/3/2022
8.2. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng				
195.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND thành phố về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-01/ TĐKT	01	01/3/2022
196.	Tặng Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	QT-02/ TĐKT	01	01/3/2022
197.	Tặng Danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở	QT-03/ TĐKT	01	01/3/2022
198.	Tặng Danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-04/ TĐKT	01	01/3/2022
199.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp thành phố về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT-05/ TĐKT	01	01/3/2022
200.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch cấp thành phố về thành tích đợt xuất	QT-06/ TĐKT	01	01/3/2022
201.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp thành phố về khen thưởng đối ngoại	QT-07/ TĐKT	01	01/3/2022
202.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình	QT-08/ TĐKT	01	01/3/2022
8.3 Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ				
203.	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	QT-01/TCCP	01	01/3/2022
8.4 Lĩnh vực Tổ chức biên chế				
204.	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện	QT-01/TCBC	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
205.	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện	QT-02/TCBC	01	01/3/2022
206.	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện	QT-03/TCBC	01	01/3/2022
207.	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện	QT-04/TCBC	01	01/3/2022
208.	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện	QT-05/TCBC	01	01/3/2022
209.	Thủ tục thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT-06/TCBC	01	01/3/2022
8.5 Lĩnh vực Viên chức				
210.	Thi tuyển viên chức	QT-01/TCCB	01	01/3/2022
211.	Xét tuyển viên chức	QT-02/TCCB	01	01/3/2022
212.	Tiếp nhận vào làm viên chức	QT-03/TCCB	01	01/3/2022
213.	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	QT-04/TCCB	01	01/3/2022
IX. PHÒNG LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH & XÃ HỘI				
9.1. Lĩnh vực Người có công				
214.	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-01/NCC	01	01/3/2022
215.	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QT-02/NCC	01	01/3/2022
216.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT-03/NCC	01	01/3/2022
217.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống pháp	QT-04/NCC	01	01/3/2022
218.	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT-05/NCC	01	01/3/2022
9.2. Lĩnh vực lao động, tiền lương và quan hệ lao động				
219.	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT-01/LĐTL	01	01/3/2022
220.	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch Covid-19	QT-02/LĐTL	01	01/3/2022
9.3. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
221.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại công đồng)	QT-01/BTXH	01	01/3/2022
222.	Thủ tục trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-02/BTXH	01	01/3/2022
223.	Thủ tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-03/BTXH	01	01/3/2022
224.	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-04/BTXH	01	01/3/2022
225.	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-05/BTXH	01	01/3/2022
226.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-06/BTXH	01	01/3/2022
227.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	QT-07/BTXH	01	01/3/2022
228.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp thành phố	QT-08/BTXH	01	01/3/2022
229.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-09/BTXH	01	01/3/2022
230.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, thành phố, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-10/BTXH	01	01/3/2022
231.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, thành phố, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-11/BTXH	01	01/3/2022
232.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT-12/BTXH	01	01/3/2022
233.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp cho người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-13/BTXH	01	01/3/2022
234.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp cấp tỉnh, cấp huyện	QT-14/BTXH	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
235.	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	QT-15/BTXH	01	01/3/2022
9.4. Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội				
236.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-01/TNXH	01	01/3/2022
237.	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QT-02/TNXH	01	01/3/2022
238.	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QT-03/TNXH	01	01/3/2022
9.5. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp				
239.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT-01/GDNN	01	01/3/2022
240.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc quận, huyện, thị xã thành phố trực thuộc tỉnh	QT-02/GDNN	01	01/3/2022
9.6 Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ				
241.	Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe cấp huyện	QT-01/LĐ.TC CP	01	01/3/2022
242.	Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	QT-02/LĐ.TC CP	01	01/3/2022
9.7 Quản lý lao động nước ngoài				
243.	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	QT-01/LĐNN	01	01/3/2022
X. PHÒNG TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG				
10.1. Lĩnh vực đất đai				
244.	Thủ tục đình chính giấy chứng nhận đã cấp	QT-01/ĐĐ	01	01/3/2022
245.	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	QT-02/ĐĐ	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
246.	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT-03/ĐĐ	01	01/3/2022
247.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; <i>tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thừa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận</i>	QT-04/ĐĐ	01	01/3/2022
248.	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	QT-05/ĐĐ	01	01/3/2022
249.	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QT-06/ĐĐ	01	01/3/2022
250.	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT-07/ĐĐ	01	01/3/2022
251.	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai	QT-08/ĐĐ	01	01/3/2022
252.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp thành phố	QT-09/ĐĐ	01	01/3/2022
253.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT-10/ĐĐ	01	01/3/2022
254.	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá	QT-11/ĐĐ	01	01/3/2022
255.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-12/ĐĐ	01	01/3/2022
256.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	QT-13/ĐĐ	01	01/3/2022
257.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	QT-14/ĐĐ	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
258.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	QT-15/ĐĐ	01	01/3/2022
259.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	QT-16/ĐĐ	01	01/3/2022
260.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	QT-17/ĐĐ	01	01/3/2022
261.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT-18/ĐĐ	01	01/3/2022
262.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT-19/ĐĐ	01	01/3/2022

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành
263.	Chuyên đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “đòn điền đổi thửa” (đồng loạt)	QT-20/ĐĐ	01	01/3/2022
10.2. Lĩnh vực Môi trường				
264.	Đăng ký/ đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	QT-01/MT	01	01/3/2022
265.	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QT-02/MT	01	01/3/2022
XI. BAN TIẾP DÂN				
266.	Tiếp công dân tại cấp thành phố	QT-01/BTD	01	01/3/2022
267.	Xử lý đơn thư tại cấp thành phố	QT-02/BTD	01	01/3/2022